

Số: /QĐ-TTBVT

Gia Lai, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 của Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Quyền trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Quyền trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp; Trưởng, Phó/Phụ trách các phòng, trạm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chi cục trưởng;
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trang thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, HCTH.

CHI CỤC TRƯỞNG

Trần Xuân Khải

Phụ lục
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTBVTV ngày tháng 02 năm 2026
của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Số tiền
A	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	450.000.000
1	Phí	450.000.000
1.1	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	450.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	450.000.000
1	Phí	450.000.000
1.1	Phí thẩm định đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	450.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.110.200.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.110.200.000
1	Chi quản lý hành chính	8.400.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - 341/13	6.706.000.000
1.2	Quỹ tiền thưởng - 341/18	315.000.000
1.3	Kinh phí thực hiện chính sách theo NQ02 - 341/12	1.080.000.000
1.4	Kinh phí thực hiện công tác thu phí, lệ phí - 341/12	180.000.000
1.5	Kinh phí phục vụ xử phạt Vi phạm hành chính - 341/12	119.000.000
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.195.200.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - 281/13	0
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - 281/12	1.682.200.000
2.3	Quỹ tiền thưởng - 281/18	72.000.000
2.4	Kinh phí hỗ trợ mua cây giống Chương trình "Xanh hoá Trường Sa" - 281/12	421.000.000
2.5	Kinh phí công tác Kiểm dịch thực vật nội địa - 281/12	420.000.000
2.6	Kinh phí dự báo sâu bệnh - 281/12	450.000.000
2.7	Kinh phí triển khai xây dựng cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn - 281/12	150.000.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	233.000.000
3.1	Kinh phí tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho CCVC tại TTHC cấp xã - 085/12	9.000.000
3.2	Kinh phí bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số lĩnh vực trồng trọt và BVTV - 085/12	224.000.000
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	162.000.000
4.1	Mua sắm máy móc, thiết bị nâng cấp phòng họp trực tuyến - 121/12	162.000.000
5	Chi sự nghiệp thủy sản	120.000.000
5.1	Kinh phí kiểm tra an toàn thực phẩm - 284/12	120.000.000